TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **294**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2024
Về tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Hăng, bà Dương Thị Thúy Duy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2024/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 383/2024/QĐXX-HN, ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 401/2024/QĐST-HN, ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1993; nơi cư trú: Tổ X, ấp T, xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Võ Thanh N, sinh năm 1991; nơi cư trú: T Y, ấp T, xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Võ Thanh N do tự tìm hiểu, được gia đình đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 2010. Đến năm 2018 bà L và ông N đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 21/02/2018.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 03/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống,

thường xuyên cãi vả, không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm dành cho ông N không còn, nên bà L xin được ly hôn với ông N.

Về con chung: Trong quá trình sống chung bà L và ông N có một con chung tên Võ Thị Thanh T, sinh ngày 11/08/2011. Hiện nay, cháu Thanh T đang sinh sống với bà L. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung sau ly hôn, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của con chung: Cháu Võ Thị Thanh T có nguyện vọng sống cùng bà L sau khi bà L và ông N ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý, Thông báo hòa giải nhưng ông N vắng mặt, nên không ghi nhận đước ý kiến của ông N. Bà L có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Kết quả xác minh được biết, hiện ông N vẫn còn đăng ký thường trú tại xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại Biên bản xác minh ngày 23/5/2024 được bà Lâm Thị Múa (mẹ bà L) cho biết, hôn nhân giữa bà L và ông N do tự tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 03/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vả. Gia đình có khuyên, hòa giải nhưng không thành. Hai người đã không còn chung sống từ tháng 03/2021 cho đến nay.

Tại phiên tòa, bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn, được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sợ vụ án cho thấy hôn nhân của bà L và ông N có mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

Về con chung: Giải quyết theo nguyện vọng con chung, giao cháu Võ Thị Thanh T cho bà L trực tiếp nuôi dạy. Công nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn với ông Võ Thanh N và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp *"ly hôn, nuôi con chung"*. Bị đơn ông Võ Thanh N cư trú ấp Tắc T, xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về việc đương sự vắng mặt: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N vắng mặt không có lý do. Như vậy ông N đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng, nên tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải và xét xử vắng mặt ông N là phù hợp quy định tại các Điều 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L và ông N có đăng ký kết hôn theo quy định, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn gia đình: Theo trình bày của bà L và kết quả xác minh xác có căn cứ xác định, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà L và ông N là do bất đồng quan điểm sống, thường cãi vả, gia đình hai bên có khuyên bảo, hòa giải nhưng không thành. Hai người đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai đều không có thiện chí hàn gắn, bà L xin ly hôn nhưng ông N cũng không có ý kiến. Từ đó cho thấy mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà L và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể duy trì, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông N có 01 con chung tên Võ Thị Thanh T, sinh ngày 11/08/2011. Cháu T có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bà L; bà L cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dạy cháu T sau ly hôn. Xét thấy hiện tại cháu T được bà L nuôi dạy tốt, nên giao cháu T cho bà L trực tiếp nuôi dạy sau ly hôn là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đảm bảo tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của cháu T.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung: Do bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nếu ông N có căn cứ có tài sản chung thì có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị L,

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Võ Thanh N.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Võ Thị Thanh T, sinh ngày 11/08/2011.

Ông Võ Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Võ Thanh N và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của bà Nguyễn Thị L. Ngược lại, bà L và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông N.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo biên lai thu số 0009409 ngày 17/4/2024 (bà L đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bà Nguyễn Thị L. Thời hạn kháng cáo của bà L là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/7/2024); thời hạn kháng cáo của ông N là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Nhơn Hội (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Sáu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG (1);

- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã Nhơn Hội (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Trần Văn Sáu